

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 05/7/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Xuân Bình – Cán bộ hưu trí.

2/ Bà Trần Thị Ngọc Hân – Giáo viên trường THPT Vĩnh Bình;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Văn Ổn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST - HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Huỳnh Văn Lý H (tên gọi khác là T)**, sinh ngày 14/4/1995, tại tỉnh Tiền Giang;

- Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Làm thuê

- Trình độ văn hóa: 6/12;

- Dân tộc: Kinh;

- Quốc tịch: Việt Nam;

- Tôn giáo: Không;

- Con ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

- Anh, chị ruột: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1993.

- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Không;
- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 25/7/2018, sau đó chuyển sang tạm giam. Đến ngày 20/4/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Thị Kim P**, sinh ngày 24/01/2002, tại tỉnh Tiền Giang;

- Nơi cư trú: Ấp *, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;
- Nghề nghiệp: Làm thuê
- Trình độ văn hóa: 8/12;
- Dân tộc: Kinh;
- Quốc tịch: Việt Nam;
- Tôn giáo: Không;
- Con ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1982.

- Em ruột: 01 người, sinh năm 2007.

- Bị cáo chưa có chồng, con;

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: Ông Nguyễn Thanh P – sinh năm 1976 là cha ruột của bị cáo P (có mặt).

Trú tại: Ấp *, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo P: Luật sư Nguyễn Tương L – Thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Tương L, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

* Bị hại:

1/ Đoàn Ngọc T, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Huỳnh Thị T, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2004.

Đại diện theo pháp luật của cháu T: Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 là cha ruột của cháu T (vắng mặt).

Trú tại: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty T.

Trụ sở: Phường *, Quận *, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Lô Bằng G; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Trương Công Đ, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người làm chứng:

1/ Huỳnh Văn K, sinh năm 1963 (có mặt);

2/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng trú tại: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyễn Bá C, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ, ngày 24/7/2018, bị cáo H đi sang nhà bên nội của bị cáo là bà Trần Thị C thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A83 của chị T (con của bà C) đang sạc pin để trong nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo H lén lút lấy trộm điện thoại nêu trên đem về nhà cất giấu. Chị T phát hiện điện thoại bị mất nên trình báo Công an xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình điều tra bị cáo H còn khai nhận trước đó bị cáo đã cùng với bị cáo P thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác cụ thể như sau:

+ Vụ thứ 01: Vào khoảng 20 giờ trong tháng 06/2018, bị cáo H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B5-320.78 do H đứng tên chủ sở hữu chở P đi chơi. Trên đường về thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter của người dân và chiếc xe đạp điện hiệu Sonus của cháu Nguyễn Đạt T đang dựng trước tiệm Internet của chị M thuộc ấp B, xã T, huyện G, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Exciter. Bị cáo H dùng xe đi vào định trộm chiếc xe mô tô nhưng xe khóa cổ, nên bị cáo H lấy trộm xe đạp điện dẫn ra đường rồi đưa bị cáo P điều khiển, còn H điều khiển xe mô tô của mình rồi dùng chân đẩy xe trộm được đem về nhà H cất giấu. Khoảng 15 ngày sau, H và P đem xe đạp điện trên

xuống thị xã Gò Công bán được số tiền 1.700.000 đồng, hai người tiều xã cá nhân hết.

+ Vụ thứ 02: Vào khoảng 21 giờ ngày 30/6/2018, bị cáo H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B5 – 320.78 của H chở P đi chơi về. Trên đường về phát hiện chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Exciter biển số 63B5-142.62 của anh Nguyễn Hoàng K cho anh Đoàn Ngọc T mượn đang dựng trong sân nhà của bà Nguyễn Thị T, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo H dừng xe lại đi vào sân lén lút dẫn xe mô tô trên ra đường rồi kêu P điều khiển, còn H điều khiển xe mô tô của mình rồi dùng chân đẩy xe trộm được về nhà cất giấu.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A83; 01 giấy biên nhận thanh toán do công ty FPT Tiền Giang phát hành bán hàng điện thoại di động OPPO A83; 01 vỏ đựng điện thoại di động OPPO A83. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Huỳnh Thị T.

+ 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Exciter, biển số 63B5-142.62 và giấy chứng nhận đăng ký xe. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Hoàng K là chủ sở hữu.

+ 01 chiếc xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen, loại xe BLADE, biển số 63B5-320-78, số khung 362EY127915, số máy JA36E0220936; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Văn Lý H.

+ 01 Sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng xe đạp điện hiệu Sonsu.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 374/KL-HĐĐGTTHS ngày 26/7/2018 và bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTTHS của Hội đồng định giá huyện Gò Công Tây xác định giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt như sau: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPP A83, có giá trị 3.500.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Exciter biển số 63B5-142.62 có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe đạp điện hiệu Sonsu có giá trị 1.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh K, anh T, chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự. Đối với xe đạp điện hiệu Sonsu do các bị cáo đã trộm tại tiệm Internet của chị M thì anh Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của cháu T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, chị M yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng mà trước đây khi xe đạp điện bị mất tại tiệm của chị thì chị đã bồi thường cho anh N. Tại phiên tòa các bị cáo khai đã tự nguyện bồi thường xong cho anh N và chị M.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSGCT ngày 12 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Huỳnh Văn Lý H và Nguyễn Thị Kim P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Huỳnh Văn Lý H và

Nguyễn Thị Kim P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Lý H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, được trừ thời gian bị cáo H bị tạm giữ, tạm giam là ngày 25/7/2018 đến ngày 20/4/2019; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17; khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim P từ 04 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận bị cáo là người trực tiếp trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83 của chị T vào ngày 24/7/2018; trộm 01 chiếc xe đạp điện của cháu T tại tiệm Internet của chị M vào tháng 6/2018 và trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 63B5-142.62 của anh K vào ngày 30/6/2018. Trong các lần trộm xe đạp điện và xe mô tô hiệu Exciter thì bị cáo H đã sử dụng xe mô tô biển số 63B5-320.78 của bị cáo để chở bị cáo P đi chơi và trên đường đi các bị cáo đã lấy trộm các tài sản nêu trên. Sau khi trộm thì các bị cáo đã bán chiếc xe đạp điện được 1.800.000 đồng, bị cáo không nhớ đã bán cho cửa hàng nào trên địa bàn thị xã Gò Công, số tiền bán xe đạp điện hai bị cáo đã cùng tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc điện thoại di động và chiếc xe mô tô hiệu Exciter thì Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Bị cáo P khai nhận: Trong 02 lần trộm xe đạp điện và xe mô tô hiệu Exciter, bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe trộm được đem về nhà của bị cáo H cất giấu. Số tiền bán xe đạp điện là 1.700.000 đồng, bị cáo đã cùng tiêu xài với bị cáo H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P trình bày quan điểm: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi bị cáo H trộm điện thoại di động OPPO A83 của chị T và bị phát hiện. Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận các bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo P, thời điểm bị cáo P thực hiện hành vi trộm tài sản cùng với bị cáo H thì bị cáo P chưa đủ 18 tuổi, đồng thời bị cáo P thiếu sự quan tâm, giáo dục của cha mẹ nên khả năng nhận thức của bị cáo còn hạn chế. Bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã liên đới cùng bị cáo H bồi thường cho các bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo P được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P là anh Nguyễn Thanh P trình bày: Anh đã cùng với ông K, bà T là cha mẹ của bị cáo H liên đới bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho anh N, chị M. Anh không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho các bị hại.

Người bị hại chị T trình bày: Điện thoại di động hiệu OPPO A83 mà bị cáo H lấy trộm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị nên chị không có ý kiến, yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Người làm chứng ông K, bà T trình bày: Việc bị cáo H trộm xe đạp điện và xe mô tô hiệu Exciter đem về cất giấu tại nhà của ông bà thì ông bà hoàn toàn không biết đó là xe do H trộm cắp. Đến khi Công an điều tra mời H làm việc thì ông bà mới biết đó là xe do H trộm cắp và đem về nhà cất giấu. Đối với số tiền bồi thường cho chị M, anh N thì ông bà là người đã bồi thường, ông bà không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho anh N, chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa luật sư, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo H và bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83 của chị T vào ngày 24/7/2018 có giá trị 3.500.000 đồng; trộm 01 chiếc xe đạp điện của cháu T tại tiệm Internet của chị M vào tháng 6/2018 có giá trị 1.800.000 đồng và trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 63B5-142.62 của anh K vào ngày 30/6/2018 có giá trị 20.000.000 đồng. Sau khi trộm được xe đạp điện và xe mô tô hiệu Exciter thì bị cáo P là người điều khiển tài sản trộm được đem về nhà của bị cáo H để cất giấu. Sau đó các bị cáo đã bán chiếc xe đạp điện với số tiền 1.700.000 đồng và cả hai cùng tiêu xài cá nhân. Còn chiếc điện thoại và chiếc xe moto hiệu Exciter đã được Cơ quan điều tra thu giữ. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo H, P làm thiệt hại đến tài sản của các bị hại, qua bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang thì giá trị các tài sản bị cáo đã trộm có tổng giá trị là 25.300.000

đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang làm cho nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo H và bị cáo P cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng các bị cáo không có tiền bạc trước để phân công cụ thể nhiệm vụ của từng người do đó hành vi cùng thực hiện việc trộm cắp của các bị cáo là đồng phạm giản đơn.

[3] Về tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo H là người trực tiếp trộm cắp tài sản. Tuy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo P là đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội có phần hạn chế. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng các quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự quy định xử phạt với người phạm tội là người chưa thành niên.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo P khai đã nhờ cha mẹ của các bị cáo bồi thường cho anh N là chủ sở hữu xe đạp điện số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường cho chị M chủ tiệm Internet số tiền 3.000.000 đồng mà chị M đã bồi thường cho anh N khi xe bị mất tại tiệm của chị. Các bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho anh N, chị M và các bị cáo không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo với anh N, chị M.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng mà anh P, ông K, bà T đã liên đới bồi thường cho anh N, chị M thay các bị cáo. Tại phiên tòa, anh P, ông K, bà T không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo H đã trả xong tiền vay mua xe trả góp đối với chiếc xe mô tô biển số 63B5 – 320.78, loại xe Blade, màu đen cho Công ty T. Đại diện Ngân hàng V không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO cho chị T, trả lại 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển số xe 63B5-142.62 và giấy đăng ký xe cho anh K là đúng quy định pháp luật. Trả lại cho bị cáo H 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Văn Lý H ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Huỳnh Văn Lý

H và 01 số bảo hành và hướng dẫn sử dụng xe đạp điện hiệu Sonsu, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ nên lưu hồ sơ vụ án. Đối với chiếc xe mô tô biển số 63B5 – 320.78, loại xe Blade, màu đen là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo H được bị cáo H sử dụng làm phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Huỳnh Văn Lý H và Nguyễn Thị Kim P là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo P, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm h Điều 4 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện". Đối với bị cáo H và bị cáo P đã thực hiện vụ trộm xe đạp điện và xe mô tô hiệu Exciter vào tháng 6/2018, đến ngày 25/7/2018 khi bị cáo H trộm điện thoại di động hiệu OPPO A83 của chị T thì bị phát hiện, quá trình điều tra tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây các bị cáo mới khai nhận và thừa nhận đã thực hiện hai vụ trộm xe vào tháng 6/2018. Do đó, không đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú cho các bị cáo. Xét ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo P, Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo P phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến bào chữa của luật sư đối với bị cáo P.

[8] Về án phí Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn Lý H** và bị cáo **Nguyễn Thị Kim P** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1/ Áp dụng Điều 17; khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn Lý H 08 (tám) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 25/7/2018 đến ngày 20/4/2019.

2/ Áp dụng Điều 17; khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 69 Luật thi

hành án hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim P 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã Bình Xuân, thị xã Gò Công giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo Huỳnh Văn Lý H.

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen, loại xe Blade, biển số 63B5-320.78, số khung 3627EY127915, số máy JA36E0220936 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Văn Lý H ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H và bị cáo P mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo H, bị cáo P, bị hại T người bào chữa cho bị cáo P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh T, anh N là đại diện cho cháu T, anh K, chị M và đại diện Công ty T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- CA huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, Tiền Giang;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người liên quan;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh